

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Hoàng Mai.

- Bà Hồ Thị Kim Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm: 1977. (Có mặt)

Địa chỉ: số 52/2A, khóm Trung Hưng, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ Gia Bảo, đường Bùi Văn Danh, khóm Tây Khánh 3, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang

- *Bị đơn:* Ông Lê Hải B, sinh năm: 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 52/2A, khóm Trung Hưng, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: bà và ông B do mai mối và đi đến hôn nhân vào năm 1997 vợ chồng có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2002. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do ông B mỗi ngày đều nhậu nhẹt sau đó về nhà mắng chửi bà, ông B có đánh bà 02 lần, ông B cũng không lo làm ăn,

không chăm lo cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Bà nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc và không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên bà yêu cầu ly hôn với ông B.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lê Duy T, sinh ngày 03/7/2002 đã thành niên và Lê Ngọc Thanh T, sinh ngày 26/10/2009. Từ năm 2020 khi vợ chồng không còn chung sống do ông B thường xuyên đi nhậu về chửi mắng bà nên bà dọn ra nhà trọ ở và để cháu T sống chung với ông B. Tuy nhiên, từ năm 2020 đến nay thì tiền học phí và tiền sinh hoạt phí hằng tháng đều do bà chi trả vì ông B không có nghề nghiệp nên không có thu nhập, không đảm bảo điều kiện chăm lo cho cháu T. Do đó, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, hiện nay bà làm công nhân ở Công ty may da giày ở phường T, thành phố Long Xuyên, mỗi tháng thu nhập 12.000.000 đồng đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Lê Hải B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông B đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do nên chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị T; về con chung 02 con chung tên Lê Duy T, sinh ngày 03/7/2002 đã thành niên và Lê Ngọc Thanh T, sinh ngày 26/10/2009. Xét thấy trong thời gian ly thân thì cháu Thanh đang sống cùng với ông B nhưng tại phiên tòa, bà T trình bày hiện cháu Thanh đã về sống cùng bà, đồng thời nguyện vọng của cháu Thanh muốn được sống với bà T. Ngoài ra, theo biên bản xác minh thì bà T là người chu cấp tiền chăm lo cho cháu Thanh ăn, học, còn ông B thường xuyên uống rượu, bia, thất nghiệp, không có thu nhập. Vì vậy, để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề bà T được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thanh theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Lê Thị T yêu cầu ly hôn với ông Lê Hải B. Ông B có nơi cư trú tại phường T, thành phố X, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Lê Hải B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Lê Hải B xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Khi vợ chồng chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng do bất đồng quan điểm sống, ông B thường xuyên đi nhậu, không quan tâm gia đình, mâu thuẫn kéo dài từ năm 2020 đến nay, bà T xác định không còn tình cảm với ông B, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên bà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện, bà T xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với ông B, hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2020 đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ cũng như không cố gắng hàn gắn, duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên Lê Duy T, sinh ngày 03/7/2002 đã thành niên và Lê Ngọc Thanh T, sinh ngày 26/10/2009. Theo nội dung trình bày của bà T thì từ khi bà T và ông B không còn chung sống với nhau thì cháu T sống chung với ông B nhưng bà là người trực tiếp chăm lo về điều kiện sinh hoạt, học tập cho cháu, ông B không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Căn cứ biên bản xác minh ngày 13/6/2022 tại Văn phòng khám Trung Hưng, phường Mỹ Thới thì xác định được ông B hiện nay đang thất nghiệp và thường xuyên nhậu nhẹt, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 18/5/2022 cháu T cũng có nguyện vọng được sống với mẹ do mẹ chăm sóc cháu tốt hơn và cháu cũng có ý kiến trình bày ông B thường xuyên nhậu nhẹt và không có đi làm.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù cháu T có thời gian sống chung với ông B nhưng căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ trên thể hiện ông B chưa chăm sóc tốt và đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần cho cháu, hiện nay cháu đã chuyển trường học và về sống chung với bà T, bà T đang có công việc ổn định với mức thu nhập hằng tháng 12.000.000 đồng đảm bảo các điều kiện cần thiết cho việc nuôi dưỡng cháu T. Mặt khác, nhận thấy cháu T là con gái khi được sống với mẹ sẽ thuận lợi hơn trong quá trình phát triển về thể chất và tâm sinh lý sau này. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu T, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: do bà T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận ý kiến của bà T trình bày không có nên không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: bà T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T được ly hôn với ông Lê Hải B. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 181, ngày 19/12/2002 do UBND phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Lê Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Lê Ngọc Thanh T, sinh ngày 26/10/2009.

Ông Lê Hải B không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng ông có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông B thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: ghi nhận bà Lê Thị T và ông Lê Hải B xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Lê Thị T và ông Lê Hải B vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0001194 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Bà T đã nộp xong.

Nguyên đơn bà Lê Thị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Lê Hải B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- VP (5)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Diệu Tiên